

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ  
ĐÔNG ANH LICOGI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lã Quý Duẩn	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Đình Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Khóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hải	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2017)
Ông Đào Mạnh Hùng	Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Mạnh Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Số: *HL* /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị hạch toán phụ thuộc - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi - Nhà máy Nhôm Đông Anh. Để hiểu rõ tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, người đọc cần tham khảo báo cáo tài chính giữa niên độ toàn Công ty được phát hành cùng ngày.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Khúc Thị Lan Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 8 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>628.229.956.729</b>	<b>518.516.677.172</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>28.138.054.646</b>	<b>54.871.968.255</b>
1. Tiền	111		21.638.054.646	54.871.968.255
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>90.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		90.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>409.528.054.514</b>	<b>366.257.310.476</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	288.923.237.363	198.383.591.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.072.200.722	8.387.289.649
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		136.707.611.399	116.228.005.049
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		20.000.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.608.401.678	61.346.072.194
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(42.783.396.648)	(18.087.647.562)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>100.407.342.586</b>	<b>97.165.791.543</b>
1. Hàng tồn kho	141		103.071.726.080	99.165.401.175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.664.383.494)	(1.999.609.632)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>156.504.983</b>	<b>221.606.898</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	59.362.414	221.606.898
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	97.142.569	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>239.646.864.271</b>	<b>245.910.862.131</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.106.422.845</b>	<b>32.917.835.824</b>
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		30.106.422.845	32.917.835.824
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.757.553.177</b>	<b>49.310.516.355</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	43.937.803.308	47.325.334.678
- Nguyên giá	222		152.745.418.246	151.202.158.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.807.614.938)	(103.876.823.568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	1.819.749.869	1.985.181.677
- Nguyên giá	225		2.646.908.909	2.646.908.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(827.159.040)	(661.727.232)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.334.604.518</b>	<b>913.272.727</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.334.604.518	913.272.727
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	159.253.337.143	159.253.337.143
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.194.946.588</b>	<b>3.515.900.082</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.194.946.588	3.515.900.082
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>867.876.821.000</b>	<b>764.427.539.303</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>505.038.302.800</b>	<b>423.349.902.587</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>497.756.302.800</b>	<b>412.899.902.587</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	74.583.461.206	69.244.289.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	18.167.821.126	15.591.645.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	10.143.091.781	3.926.594.151
4. Phải trả người lao động	314		12.260.688.327	10.687.040.187
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		588.816.736	120.921.434
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	99.891.494
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	49.209.126.854	47.448.688.219
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	318.788.845.227	256.474.962.550
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.863.870.519	879.353.315
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.150.581.024	8.426.516.771
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.282.000.000</b>	<b>10.450.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	7.282.000.000	10.450.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>362.838.518.200</b>	<b>341.077.636.716</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>362.838.518.200</b>	<b>341.077.636.716</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	310.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		310.000.000.000	310.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.238.149.727	30.238.149.727
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		839.486.989	839.486.989
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.760.881.484	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.760.881.484	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+ 400)	<b>440</b>		<b>867.876.821.000</b>	<b>764.427.539.303</b>

  
 Hoàng Thị Kim Liên  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Anh Khoa  
 Phụ trách Kế toán

  
 Trần Văn Hải  
 Giám đốc Tài chính

  
 Nguyễn Mạnh Hà  
 Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	342.922.681.162	258.590.164.184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	328.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		342.922.681.162	258.262.164.184
4. Giá vốn hàng bán	11	23	303.332.099.372	227.834.541.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.590.581.790	30.427.622.809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31.703.719.119	1.194.159.423
7. Chi phí tài chính	22	26	4.533.428.057	4.900.109.216
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.506.151.407	4.797.772.869
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.948.109.672	6.062.826.258
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	43.600.416.964	16.617.060.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		16.212.346.216	4.041.786.275
11. Thu nhập khác	31		6.216.000	17.207.700
12. Chi phí khác	32		8.527.292	1.353.326
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.311.292)	15.854.374
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.210.034.924	4.057.640.649
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	1.480.843	899.472.668
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		16.208.554.081	3.158.167.981

  
Hoàng Thị Kim Liên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Khoa  
Phụ trách Kế toán

  
Trần Văn Hải  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	287.282.684.137	283.527.327.319
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(280.637.134.505)	(264.844.422.320)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(31.919.436.000)	(22.849.382.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.495.513.605)	(4.687.935.370)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(341.323.404)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	191.603.518.588	172.988.756.100
- Văn phòng Công ty		21.360.332.362	2.044.438.817
- Thu hộ Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		170.243.186.226	170.944.317.283
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(225.589.113.648)	(209.926.370.060)
- Văn phòng Công ty		(37.529.643.958)	(32.585.449.212)
- Chi hộ Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		(188.059.469.690)	(177.340.920.848)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(64.096.318.437)</b>	<b>(45.792.026.331)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.964.591.791)	(9.550.380.171)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.000.000.000)	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.181.113.942	68.799.757.416
- Văn phòng Công ty		90.181.113.942	62.387.923.526
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		-	6.411.833.890
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(21.783.477.849)</b>	<b>59.249.377.245</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	409.811.721.661	396.478.489.872
- Văn phòng Công ty		228.251.719.363	231.999.364.152
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		181.560.002.298	164.479.125.720
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(350.186.010.984)	(378.059.091.205)
- Văn phòng Công ty		(181.076.236.818)	(220.774.342.646)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		(169.109.774.166)	(157.284.748.559)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(479.828.000)	(479.828.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>59.145.882.677</b>	<b>17.939.570.667</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(26.733.913.609)</b>	<b>31.396.921.581</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>54.871.968.255</b>	<b>74.070.737.602</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(28.366.996)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>28.138.054.646</b>	<b>105.439.292.187</b>

  
**Hoàng Thị Kim Liên**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Anh Khoa**  
Phụ trách Kế toán

  
**Trần Văn Hải**  
Giám đốc Tài chính

  
**Nguyễn Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Đông Anh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 và Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100106391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014, thay đổi lần thứ bảy (7) ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 474 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 527 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, và chứng khoán); Kinh doanh bất động sản; Nấu và tôi luyện thép, các sản phẩm đúc; Xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp tinh khiết và hóa chất thí nghiệm (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế và thi công các cấu kiện và sản phẩm nhôm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Triển khai các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ; Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng thiết bị trong ngành xây dựng; Thiết kế máy xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Chế tạo, lắp ráp máy xây dựng; sản xuất, lắp ráp các thiết bị chịu áp lực; Chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian; Sản xuất phụ tùng, phụ kiện, thiết bị máy cho ngành xây dựng; Kinh doanh xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất, gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa, đại tu ô tô, máy kéo; Kinh doanh vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là: Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số công trình chế tạo, lắp ráp giàn không gian có thời gian trên 12 tháng.

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 Nhà máy, 01 Trung tâm nghiên cứu và 01 Công ty liên doanh: Thông tin chi tiết về các đơn vị phụ thuộc và Công ty liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và lợi ích</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Công ty liên doanh</b>			
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	42%	Cho thuê khu công nghiệp
<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	Hà Nội		Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình
- Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Cơ khí Xây dựng	Hà Nội		Nghiên cứu phát triển

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty chưa bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi – Nhà máy Nhôm Đông Anh.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có). Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Văn phòng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Văn phòng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh theo giá gốc. Văn phòng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Văn phòng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên [thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Từ ngày 01/01/2017**  
**đến ngày 30/6/2017**

	Số năm (*)
Nhà cửa và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị văn phòng	01 - 05
Tài sản khác	02 - 08

(\*) Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Văn phòng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Văn phòng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Văn phòng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty, cụ thể:

### **Số năm**

Phương tiện vận tải 08

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm xe ô tô. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 4 năm kể từ khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (tháng 4 năm 2014).

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cụ thể:

Đối với sản phẩm đúc, Văn phòng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với tỷ lệ 0,25% doanh thu đã thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Văn phòng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với tỷ lệ 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Đối với các trường hợp trong kỳ khách hàng yêu cầu bảo hành đối với các sản phẩm/công trình còn thời hạn bảo hành, Công ty sẽ ước tính lại chi phí cần thiết phải bỏ ra để hạch toán vào chi phí cho từng trường hợp cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Văn phòng Công ty và theo các quy định hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chế tạo, lắp ráp giàn không gian và kết cấu thép của Văn phòng Công ty được ghi nhận theo nguyên tắc: khi kết quả thực hiện hợp đồng chế tạo, lắp ráp giàn không gian và kết cấu thép có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Khi kết quả thực hiện không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được ghi nhận căn cứ vào Thông báo về việc chia lợi nhuận cho các thành viên góp vốn. Chênh lệch giữa lợi nhuận đã ghi nhận với lợi nhuận được chia theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên công ty liên doanh công bố sẽ được điều chỉnh vào báo cáo tài chính kỳ tiếp theo.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	490.037.900	959.776.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.148.016.746	53.912.192.055
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	-
	<b><u>28.138.054.646</u></b>	<b><u>54.871.968.255</u></b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm.

#### **5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Dự phòng</u> <b>VND</b>	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Dự phòng</u> <b>VND</b>
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	90.000.000.000	-	-	-
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>				
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (ii)	159.253.337.143	-	159.253.337.143	-

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

(ii) Tình hình hoạt động của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Có lãi	Có lãi

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45.014.818.458	21.233.127.066
Thyssenkrupp Industrial Solutions Ltd	34.619.164.914	-
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	31.816.539.251	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	31.653.129.250	32.653.129.250
Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm	15.557.175.756	18.712.023.756
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	8.296.686.758	9.950.668.710
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương	7.208.799.197	12.483.612.347
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	4.084.414.917	4.084.414.917
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	1.671.910.000	3.671.910.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	109.000.598.862	95.594.705.100
	<b>288.923.237.363</b>	<b>198.383.591.146</b>
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>38.391.753.370</b>	<b>38.131.812.890</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Văn phòng Công ty đã thế chấp quyền thu một số khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam	2.533.222.822	2.533.222.822
Công ty Cổ phần Vận tải và Vật tư Công nghiệp Việt - Hàn	-	2.745.222.337
Các đối tượng khác	538.977.900	3.108.844.490
	<b>3.072.200.722</b>	<b>8.387.289.649</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	58.603.552.684
Phải thu về ký cược, ký quỹ	2.619.227.315	1.763.528.220
Phải thu về tạm ứng	260.346.419	195.577.526
Các khoản phải thu khác	728.827.944	783.413.764
	<b>3.608.401.678</b>	<b>61.346.072.194</b>
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b> <b>(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>533.808.000</b>	<b>59.137.360.684</b>

**9. NỢ XẤU**

	<b>Số cuối kỳ</b>			<b>Số đầu kỳ</b>		
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b> <b>VND</b>	<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b> <b>VND</b>	<b>Thời gian quá hạn</b>
<b>- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:</b>	<b>51.484.580.032</b>	<b>8.701.183.384</b>		<b>19.824.506.709</b>	<b>1.736.859.147</b>	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	31.653.129.250	6.591.721.202	Từ 1 năm đến 3 năm	-	-	
Ban quản lý dự án Xây dựng Thành phố Đà Nẵng	-	-		3.854.751.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Cosevco 9	3.346.494.000	-	Trên 3 năm	3.346.494.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ngô Quyền	3.286.000.000	-	Trên 3 năm	3.286.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam	2.533.222.822	-	Dưới 2 năm	2.533.222.822	759.966.847	Dưới 2 năm
Công ty TNHH Hệ thống Công nghiệp Việt Á	1.953.374.400	-	Trên 3 năm	1.953.374.400	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	8.712.359.560	2.109.462.182	Trên 1 năm	4.850.664.487	976.892.300	Trên 6 tháng

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	10.099.158.997	-	9.482.500.682	-
Nguyên liệu, vật liệu	37.279.624.797	(1.999.609.632)	25.480.849.155	(1.999.609.632)
Công cụ, dụng cụ	1.493.418.996	-	2.103.845.352	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.352.191.526	-	59.179.665.219	-
Thành phẩm	1.712.042.727	(664.773.862)	1.979.182.773	-
Hàng hoá	135.289.037	-	939.357.994	-
<b>Cộng</b>	<b>103.071.726.080</b>	<b>(2.664.383.494)</b>	<b>99.165.401.175</b>	<b>(1.999.609.632)</b>

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã trích lập dự phòng hàng tồn kho cho một số thành phẩm bị giảm giá với số tiền là 664.773.862 đồng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng giá trị của các công trình đang thi công dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và nhận thấy không phải trích lập dự phòng tổn thất cho các công trình này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Văn phòng Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho luân chuyển lưu tại kho của Văn phòng Công ty tại địa chỉ Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ phân bổ	40.057.414	171.699.832
Chi phí sửa chữa	-	4.641.613
Chi phí bảo hiểm	19.305.000	45.265.453
	<b>59.362.414</b>	<b>221.606.898</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Lợi thế kinh doanh	81.750.926	302.647.689
Công cụ, dụng cụ phân bổ	635.480.724	302.566.221
Chi phí sửa chữa	2.192.423.271	2.730.667.651
Chi phí khác	285.291.667	180.018.521
	<b>3.194.946.588</b>	<b>3.515.900.082</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	37.269.830.581	103.743.200.682	8.342.039.035	705.551.000	1.141.536.948	151.202.158.246
Tăng trong kỳ	-	1.543.260.000	-	-	-	1.543.260.000
Số dư cuối kỳ	<b>37.269.830.581</b>	<b>105.286.460.682</b>	<b>8.342.039.035</b>	<b>705.551.000</b>	<b>1.141.536.948</b>	<b>152.745.418.246</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	23.938.644.908	71.551.136.313	6.945.916.955	543.978.420	897.146.972	103.876.823.568
Khấu hao trong kỳ	984.718.843	3.457.448.347	418.172.040	36.843.414	33.608.726	4.930.791.370
Tại ngày cuối kỳ	<b>24.923.363.751</b>	<b>75.008.584.660</b>	<b>7.364.088.995</b>	<b>580.821.834</b>	<b>930.755.698</b>	<b>108.807.614.938</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	13.331.185.673	32.192.064.369	1.396.122.080	161.572.580	244.389.976	47.325.334.678
Tại ngày cuối kỳ	<b>12.346.466.830</b>	<b>30.277.876.022</b>	<b>977.950.040</b>	<b>124.729.166</b>	<b>210.781.250</b>	<b>43.937.803.308</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 29.068.023.510 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 31.234.016.840 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 49.281.608.064 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.538.378.814 đồng).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tài	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	<b>2.646.908.909</b>	<b>2.646.908.909</b>
Số dư cuối kỳ	<b>2.646.908.909</b>	<b>2.646.908.909</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	<b>661.727.232</b>	<b>661.727.232</b>
Khấu hao trong kỳ	165.431.808	165.431.808
Số dư cuối kỳ	<b>827.159.040</b>	<b>827.159.040</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<b>1.985.181.677</b>	<b>1.985.181.677</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.819.749.869</b>	<b>1.819.749.869</b>

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 123.14.05/CTTC ngày 26 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Công ty có thể lựa chọn mua lại tài sản thuê khi kết thúc thời hạn thuê với giá bán danh nghĩa là 1.000.000 VND.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	11.430.188.217	11.430.188.217	11.790.188.217	11.790.188.217
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Công Tiến	7.923.420.305	7.923.420.305	4.782.547.754	4.782.547.754
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	4.520.245.280	4.520.245.280	13.747.273.100	13.747.273.100
Công ty TNHH MTV 27	499.766.190	499.766.190	3.238.672.900	3.238.672.900
Các đối tượng khác	50.209.841.214	50.209.841.214	35.685.607.307	35.685.607.307
	<b>74.583.461.206</b>	<b>74.583.461.206</b>	<b>69.244.289.278</b>	<b>69.244.289.278</b>
<b>Phải trả nhà cung cấp là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>20.811.842.208</b>		<b>31.398.870.028</b>	

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành	10.726.807.000	10.726.807.000
Thyssenkrupp Industrial Solutions Ltd	-	3.456.667.582
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại TATRACO	2.623.478.660	-
Công ty TNHH Xây lắp I	2.472.886.400	-
Các đối tượng khác	2.344.649.066	1.408.170.606
	<b>18.167.821.126</b>	<b>15.591.645.188</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ VND	Trong kỳ		Số cuối kỳ VND
		Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế đất, tiền thuê đất	-	1.723.681.774	1.820.824.343	97.142.569
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.723.681.774</b>	<b>1.820.824.343</b>	<b>97.142.569</b>

	Số đầu kỳ VND	Trong kỳ		Số cuối kỳ VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
<b>Thuế và các khoản phải trả Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.584.687.271	17.013.692.761	10.637.972.605	9.960.407.427
Thuế giá trị gia tăng phải nộp nội địa	3.584.687.271	12.392.726.341	6.017.006.185	9.960.407.427
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.620.966.420	4.620.966.420	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.862.880	142.460.524	341.323.404	-
- Văn phòng Công ty	-	1.480.843	341.323.404	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	-	140.979.681	-	-
Thuế nhập khẩu	-	607.585.695	607.585.695	-
Thuế thu nhập cá nhân	143.044.000	501.166.054	461.525.700	182.684.354
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	-	40.041.543	40.041.543	-
<b>Cộng</b>	<b>3.926.594.151</b>	<b>18.304.946.577</b>	<b>12.088.448.947</b>	<b>10.143.091.781</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả	46.500.000.000	46.500.000.000
Bảo hiểm xã hội	939.801.352	-
Kinh phí công đoàn	348.480.000	62.783.000
Bảo hiểm y tế	173.155.414	-
Bảo hiểm thất nghiệp	73.699.060	-
Các khoản khác	1.173.991.028	885.905.219
	<b>49.209.126.854</b>	<b>47.448.688.219</b>



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (i)	51.370.470.663	51.370.470.663	153.551.450.421	113.857.129.965	91.064.791.119	91.064.791.119
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	3.898.521.954	3.898.521.954	-	3.898.521.954	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	97.081.294.890	97.081.294.890	126.201.684.225	115.267.754.182	108.015.224.933	108.015.224.933
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên (iii)	30.541.294.874	30.541.294.874	43.627.286.695	33.056.973.874	41.111.607.695	41.111.607.695
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iv)	52.429.302.370	52.429.302.370	60.528.242.555	60.929.773.239	52.027.771.686	52.027.771.686
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB)-Chi nhánh Ba Đình (v)	13.858.421.799	13.858.421.799	25.903.057.765	20.007.857.770	19.753.621.794	19.753.621.794
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 19)	6.336.000.000	6.336.000.000	3.168.000.000	3.168.000.000	6.336.000.000	6.336.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 19)	959.656.000	959.656.000	-	479.828.000	479.828.000	479.828.000
<b>Tổng</b>	<b>256.474.962.550</b>	<b>256.474.962.550</b>	<b>412.979.721.661</b>	<b>350.665.838.984</b>	<b>318.788.845.227</b>	<b>318.788.845.227</b>

(i)

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, Công ty ký kết Hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐTDHM/NHCT144-LICOGI với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bằng Hợp đồng tín dụng số 39/2016/HĐDTM/NHCT144-LICOGI. Thời hạn của hạn mức tín dụng là đến ngày 20 tháng 6 năm 2018. Lãi suất là lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng theo từng kỳ, được quy định trong từng kế ước nhận nợ và trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền phải thu số 31/2016/HĐTCQT/NHCT144-CKĐA ngày 20 tháng 6 năm 2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi.

- (ii) Ngày 08 tháng 6 năm 2017, Công ty được ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương đồng ý cấp hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/17/CTD/VCB-CKĐA. Hạn mức này bao gồm hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 80 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian cho vay tối đa 8 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn của hạn mức tín dụng đến hết ngày 10 tháng 9 năm 2017. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền thuê đất và quyền sử dụng thửa đất thuê đối với thửa đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với lô đất số BA 495995 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 02 năm 2010 cho Công ty.
- (iii) Tại ngày 16 tháng 11 năm 2016, Công ty được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Long Biên đồng ý cấp hạn mức tín dụng 70.000.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng số 85806.16.031.588099.TD. Hạn mức này bao gồm hạn mức cho vay, mở LC và phát hành bảo lãnh. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhôm, đúc cơ khí, sản xuất và lắp đặt kết cấu thép và giàn không gian (không tài trợ kinh doanh xăng dầu). Thời hạn của hạn mức tín dụng là đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2017. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh cho từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng các máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo Hợp đồng thế chấp số 01.11.031.588099.DB ngày 06 tháng 11 năm 2011 và các phụ lục (nếu có) kèm theo; Công trình xây dựng, khung kết cấu nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo Hợp đồng thế chấp số 62704.15.31.588099.BĐ ngày 19 tháng 10 năm 2015 và các phụ lục (nếu có) kèm theo; Hàng tồn kho luân chuyển lưu tại kho của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo hợp đồng thế chấp số 62703.15.031.588099.BĐ ngày 19 tháng 10 năm 2015.
- (iv) Ngày 21 tháng 6 năm 2017, Công ty được Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội đồng ý cấp hạn mức hỗn hợp, hạn mức mở thẻ tín dụng chứng từ, hạn mức khoản vay tài trợ mua nguyên vật liệu trong nước/nhập khẩu và hạn mức bảo lãnh với số tiền 4 triệu USD hoặc tương đương bằng VND hoặc ngoại tệ khác/tiền ịch theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM160767. Lãi suất áp dụng trên dư nợ của mỗi khoản giải ngân theo tiện ích này sẽ là Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND/ngoại tệ khác (của thời hạn được chọn trong thông báo rút vốn liên quan ("Thông báo rút vốn") cộng với lãi biên tối đa 1.5%/năm. Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN 100481/DUL trong (các) tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng cho giá trị là 10% tiện ích và chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm do cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan cấp; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN 100481/MS và các bản sửa đổi của Công ty với trị giá là 1.700.000 USD và chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm do cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan cấp; Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số VHN 100481/MR và các bản sửa đổi của Công ty với trị giá là 1.800.000 USD và chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm do cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan cấp.
- (v) Ngày 29 tháng 4 năm 2016, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 2904/2016/HBTDTM với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Ba Đình với hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ cấp tín dụng cho Công ty dưới hình thức cho vay ngắn hạn, các khoản vay sẽ được Ngân hàng giải ngân với thời hạn tối đa 06 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh lãi suất của VIB cho từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu, tổng trị giá các tài sản đảm bảo tại mọi thời điểm, ít nhất bằng 143% số dư nợ gốc với giá trị phải thế chấp theo quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	16.786.000.000	16.786.000.000	-	3.168.000.000	13.618.000.000	13.618.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	959.656.000	959.656.000	-	479.828.000	479.828.000	479.828.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.745.656.000</b>	<b>17.745.656.000</b>	<b>-</b>	<b>3.647.828.000</b>	<b>14.097.828.000</b>	<b>14.097.828.000</b>
<b>Trong đó:</b>						
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	7.295.656.000				6.815.828.000	
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>	10.450.000.000				7.282.000.000	

(i) Ngày 18 tháng 12 năm 2013, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/13/TDH/VCB.CD-CKDA với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền vay là 21,5 tỷ đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc Dự án đầu tư phân xưởng sản xuất bi rên công suất 12.000 tấn/năm. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Công ty đã thế chấp tài sản của dự án làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/15/DH/VCB.CD-CKDA với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền vay là 9.639.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015, cụ thể đầu tư mua sắm 01 máy phay 5 trục, 01 máy tiện CNC và 01 máy búa bới 1000kg. Khoản vay này chịu lãi suất cơ sở là 6,0%/năm cộng với mức biên là 3,4%/năm được điều chỉnh theo thông báo định kỳ, thời hạn vay là 68 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty đã thế chấp 01 máy phay 5 trục và 01 máy tiện CNC để đảm bảo cho khoản vay này.

(ii) Thuế tài chính dài hạn Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thể hiện ở các khoản nợ thuế dài hạn xe ô tô BMW 528i. Số tiền cho thuê tương đương 100% giá trị tài sản thuế cộng (+) 100% lệ phí trước bạ và chi phí hợp lệ khác. Giá bán danh nghĩa là 1.000.000 VND/xe. Lãi suất thuế được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất áp dụng cho 3 tháng tính từ lần giải ngân đầu tiên là 9,9%/năm. Tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng (+) biên độ 2,4%/năm. Thời gian cho thuê là 36 tháng kể từ ngày bên cho thuê chuyển khoản đầu tiên cho bên cung cấp.



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	6.815.828.000	7.295.656.000
Trong năm thứ hai	6.336.000.000	6.336.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	946.000.000	4.114.000.000
	<b>14.097.828.000</b>	<b>17.745.656.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	6.815.828.000	7.295.656.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>7.282.000.000</b>	<b>10.450.000.000</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu kỳ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>15.664.720.545</b>	<b>839.486.989</b>	-	<b>326.504.207.534</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	7.301.127.507	7.301.127.507
- Văn phòng Công ty	-	-	-	3.158.167.981	3.158.167.981
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	-	-	-	4.142.959.526	4.142.959.526
<b>Số dư đầu kỳ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>15.664.720.545</b>	<b>839.486.989</b>	<b>7.301.127.507</b>	<b>333.805.335.041</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>30.238.149.727</b>	<b>839.486.989</b>	-	<b>341.077.636.716</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	21.760.881.484	21.760.881.484
- Văn phòng Công ty	-	-	-	16.208.554.081	16.208.554.081
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	-	-	-	5.552.327.403	5.552.327.403
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>30.238.149.727</b>	<b>839.486.989</b>	<b>21.760.881.484</b>	<b>362.838.518.200</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.000.000	31.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.000.000	31.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (7) ngày 31 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 310.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7		Vốn đã góp	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	276.097.000.000	89,06%	276.097.000.000	276.097.000.000
Các cổ đông khác	33.903.000.000	10,94%	33.903.000.000	33.903.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>310.000.000.000</b>

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hợp kim đúc, sản phẩm giàn không gian, kết cấu thép phục vụ lắp dựng các công trình lớn. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hợp kim đúc, sản phẩm giàn không gian, kết cấu thép phục vụ lắp dựng các công trình lớn. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 22 và số 23.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Văn phòng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**22. DOANH THU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>342.922.681.162</b>	<b>258.590.164.184</b>
Doanh thu bán sản phẩm hợp kim đúc	143.669.739.904	131.629.465.438
Doanh thu thi công công trình giàn không gian	152.528.519.917	52.376.883.409
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	46.724.421.341	74.583.815.337
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>328.000.000</b>
Hàng bán bị trả lại	-	328.000.000
	<b>342.922.681.162</b>	<b>258.262.164.184</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>6.074.628.829</b>	<b>17.279.973.052</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán sản phẩm hợp kim đúc	124.988.661.076	111.257.492.213
Giá vốn thi công công trình giàn không gian	135.429.161.550	46.889.738.036
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	42.914.276.746	69.687.311.126
	<b><u>303.332.099.372</u></b>	<b><u>227.834.541.375</u></b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.967.657.914	84.878.757.342
Chi phí nhân công	39.012.286.886	26.937.877.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.096.223.178	6.411.018.655
Chi phí dự phòng	24.695.749.086	1.278.044.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.194.115.874	46.791.562.807
Chi phí khác bằng tiền	7.575.643.750	7.715.070.159
	<b><u>284.541.676.688</u></b>	<b><u>174.012.331.706</u></b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.577.561.258	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.215.243	1.173.773.915
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.942.618	20.385.508
	<b><u>31.703.719.119</u></b>	<b><u>1.194.159.423</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	4.464.900.860	4.553.788.642
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.276.650	102.336.347
Chi phí lãi đi thuê tài chính	41.250.547	243.984.227
	<b><u>4.533.428.057</u></b>	<b><u>4.900.109.216</u></b>

1001  
CÔ  
ACH N  
DEL  
VIỆ  
NG Đ

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	11.528.197.844	8.632.294.408
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	651.929.082	505.571.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	859.309.614	910.186.081
Thuế, phí và lệ phí	856.366.314	856.202.314
Chi phí dự phòng	24.695.749.086	1.278.044.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.145.140	131.770.368
Chi phí bằng tiền khác	4.890.719.884	4.302.990.748
	<b>43.600.416.964</b>	<b>16.617.060.483</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.063.076.056	1.695.541.794
Chi phí bảo hành	1.671.195.701	289.857.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.503.365.969	3.294.347.719
Chi phí bằng tiền khác	710.471.946	783.079.445
	<b>6.948.109.672</b>	<b>6.062.826.258</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	899.472.668
- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.480.843	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.480.843</b>	<b>899.472.668</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>16.210.034.924</b>	<b>4.057.640.649</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	31.577.561.258	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.190.076.599	439.722.690
- <i>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	98.500.000	108.000.000
- <i>Chi phí khấu hao xe ô tô nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ đồng</i>	163.158.508	163.158.508
- <i>Chi phí phạt thuế</i>	8.691.291	1.353.326
- <i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi</i>	919.726.800	167.210.856
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>(14.177.449.735)</b>	<b>4.497.363.339</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>-</b>	<b>899.472.668</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhóm Đông Anh	Chi nhánh Công ty
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh

00  
 TY  
 HỮU  
 TT  
 IAN  
 TP.



**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Bán hàng</b>	<b>6.074.628.829</b>	<b>17.279.973.052</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	456.593.965	684.155.800
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	5.618.034.864	4.610.869.612
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	11.984.947.640
<b>Mua hàng</b>	<b>13.347.600.000</b>	<b>7.141.038.195</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	-	7.052.396.377
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	13.347.600.000	88.641.818
<b>Cổ tức</b>	<b>31.577.561.258</b>	-
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	31.577.561.258	-

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:*

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>38.391.753.370</b>	<b>38.131.812.890</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	31.653.129.250	32.653.129.250
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	4.084.414.917	4.084.414.917
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	2.221.970.693	919.149.573
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	32.238.510	75.119.150



**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động (Tiếp theo):*

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>20.811.842.208</b>	<b>31.398.870.028</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	11.430.188.217	11.790.188.217
Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	2.437.914.185	3.437.914.185
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	2.423.494.526	2.423.494.526
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	4.520.245.280	13.747.273.100
<b>Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	<b>136.707.611.399</b>	<b>116.228.005.049</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	136.707.611.399	116.228.005.049
<b>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</b>	<b>30.106.422.845</b>	<b>32.917.835.824</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	30.106.422.845	32.917.835.824
<b>Phải thu khác</b>	<b>533.808.000</b>	<b>59.137.360.684</b>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	-	58.603.552.684
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	533.808.000	533.808.000
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	-
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	20.000.000.000	-

*Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.355.926.000	735.435.000

  
**Hoàng Thị Kim Liên**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Anh Khoa**  
 Phụ trách Kế toán

  
**Trần Văn Hải**  
 Giám đốc Tài chính

  
**Nguyễn Mạnh Hà**  
 Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2017